

1	2	3	4	5	6	7	8
64	Nông trường 1-5	454	400	347	265	189	130
65	Sơn Diêm	419	378	335	276	217	168
66	Phối Châu	355	325	298	254	206	160
67	Kim Cương	570	510	450	366	275	200
	Thanh Hóa						
1	Nga Sơn	456	395	294	256	180	125
2	Hậu Lộc	462	410	336	286	210	150
3	Lạch Trường	391	360	332	281	220	175
4	Tĩnh Gia	511	458	382	326	245	180
5	Thanh Hóa	591	493	350	283	180	140
6	Cầm Thủy	318	282	240	187	150	112
7	Yên Mỹ	502	450	400	319	241	177
8	Nhu Xuân	430	387	346	288	227	177
9	Hồi Xuân	399	351	304	244	187	142
10	Bỉm Sơn	291	262	235	190	145	107
11	Bãi Thượng	392	340	300	235	169	116
12	Thạch Quảng	377	340	301	245	186	134
13	Du Độ	371	342	316	272	224	172
14	Triệu Sơn	469	415	360	282	203	137
15	Sao Vàng	544	465	391	284	188	118
16	Sầm Sơn	528	460	411	326	240	170
17	Thống Nhất	414	362	312	240	174	128
18	Phú Lễ	378	326	211	144	93	
19	Giao An - Bắc Nậm	428	375	326	252	181	125
20	Thạch Cao - Vạn Xuân	536	478	420	333	243	164
21	Mường hạ - Sơn Lư	306	271	235	183	129	84
22	Thọ Xuân - Xuân Khánh	501	432	363	266	177	116
23	Kiểu - Yên Định	420	365	313	242	171	117
24	Cầm Thành	566	485	400	292	188	119
25	Hiền Kiệt	233	212	190	160	129	103
26	Nam Động	312	282	253	209	163	124
27	Phong Y	288	258	221	191	150	121
28	Trung Hạ	346	311	278	228	174	126
29	Thạch Thành	338	298	262	207	155	115
30	Sôi	319	294	266	227	185	149
31	Nông Cống	617	536	458	344	237	156
32	Thiệu Hóa	774	656	540	381	236	140
33	Thường Xuân	397	350	306	243	180	130

1	2	3	4	5	6	7	8
34	Phúc Do	273	249	225	189	152	120
35	Vận Du	325	296	266	224	176	131
36	Lý Nhân	343	303	265	215	163	122
37	Cự Thôn	417	377	333	273	208	153
38	Hoàng Hóa	592	510	431	317	213	141
39	Bất Mọt	310	285	260	223	182	143
40	Yên Khương	489	425	358	268	1778	110
41	Mường Lát	231	207	182	147	112	86
42	Hỏi dã Đò gánh-Lạch nung	332	515	448	345	245	163
43	Vĩnh Lộc	326	294	264	217	167	122
44	Bá Thước	343	309	276	223	171	129
45	Ngọc Lạc	520	450	372	275	184	124
46	Mơ	573	505	439	340	240	157
47	Chôm Hậu- Mường Hót	324	286	251	197	146	108
48	Lam Sơn	586	503	420	307	201	127
49	Yên Cát	418	377	340	281	217	159
50	Ngọc Trà	407	368	330	274	217	170
51	Xóm Giá	665	570	480	351	232	154
52	Giàng	461	411	363	296	222	158
53	Tùng Yên-Cổ Định	581	509	435	328	227	150
54	Lạng Chánh	384	341	300	239	180	135
55	Xóm Gió	345	316	288	247	197	143
56	Quảng Xương	722	612	513	374	241	148
57	Hà Trung	416	371	325	261	194	139
Thái Bình							
1	Thái Bình	334	309	283	245	205	160
2	Duyên Hải (Hoàng Hà)	472	415	360	286	211	143
3	Hoàng Môn	395	356	320	261	202	150
4	Cống Hệ (Vân Cồ)	521	452	390	299	215	141
5	Tiên Hưng	402	365	327	278	208	147
6	Kiến Xương	346	318	285	248	204	160
7	Ngô Xá	454	404	358	288	215	150
8	Triều Dương	464	417	370	302	230	160
9	Tiền Hải	358	328	302	257	212	170
10	Trà Lĩnh	385	348	312	259	206	160
11	Đồng Nhóng	461	405	350	282	210	156
12	Bến Hiệp	298	272	258	225	190	153
13	Phủ Dục	450	391	332	259	185	132



1	2	3	4	5	6	7	8
	Lâm Đồng						
1	Suối Vàng	172	162	152	137	118	99
2	Đa Tà	492	430	356	280	195	133
3	Lạc Nghiệp	367	316	263	194	132	90
4	Thành Mỹ	448	3990	330	241	165	110
5	Ma Đa Gui	228	214	200	181	156	133
6	Tà In	168	156	142	124	104	85
7	Lạc Dương	176	164	152	133	112	92
8	Đại Nga	166	151	144	130	111	95
9	Nam Bang	312	270	230	175	122	81
10	Đại Ninh	146	134	124	110	94	78
11	Đại Dồn	534	465	397	298	205	129
12	Liên Khương	221	196	172	140	108	82
13	Tà Lài	178	171	163	151	137	121
14	Di Linh	238	208	174	138	100	71
15	Phú Hiệp	140	130	122	109	95	80
16	Cầu Đất	192	174	157	134	109	85
17	K' Deune	224	200	180	149	116	90
18	Hà Lâm	145	137	128	118	107	95
19	Đại Ngai	222	207	186	166	134	99
20	Đại quang	250	232	214	186	156	132
21	Đà Lạt	213	188	162	127	94	73
22	Bảo Lộc	260	225	179	145	106	79
23	Thanh Bình	156	144	132	114	95	79
24	Trạm Bobla	214	189	167	133	100	76
25	Djira mour	121	114	109	98	86	75
26	Trạm Long Hanh	193	172	158	126	94	72
27	Trạm Hành	184	164	148	121	95	74
28	Bình Thành	171	161	146	133	111	89
29	Bình Đức	139	132	122	112	95	76
	Gia Lai-Kon Tum						
1	Pơ Mờ Rê	286	260	232	195	154	119
2	Mang Giang	540	503	431	332	241	162
3	Đắk Doa	316	277	235	189	138	98
4	Biển Hồ	252	232	211	181	150	121
5	Đắk Tô	170	162	153	140	124	109
6	Kon Plông	250	230	210	180	146	111

1	2	3	4	5	6	7	8
	Lâm Đồng						
1	Suối Vàng	172	162	152	137	118	99
2	Đa Tà	492	430	356	280	195	133
3	Lạc Nghiệp	367	316	263	194	132	90
4	Thành Mỹ	448	3990	330	241	165	110
5	Ma Đa Gui	228	214	200	181	156	133
6	Tà In	168	156	142	124	104	85
7	Lạc Dương	176	164	152	133	112	92
8	Đại Nga	166	151	144	130	111	95
9	Nam Bang	312	270	230	175	122	81
10	Đại Ninh	146	134	124	110	94	78
11	Đại Dồn	534	465	397	298	205	129
12	Liên Khương	221	196	172	140	108	82
13	Tà Lài	178	171	163	151	137	121
14	Di Linh	238	208	174	138	100	71
15	Phú Hiệp	140	130	122	109	95	80
16	Cầu Đất	192	174	157	134	109	85
17	K' Deune	224	200	180	149	116	90
18	Hà Lâm	145	137	128	118	107	95
19	Đại Ngai	222	207	186	166	134	99
20	Đại quang	250	232	214	186	156	132
21	Đà Lạt	213	188	162	127	94	73
22	Bảo Lộc	260	225	179	145	106	79
23	Thanh Bình	156	144	132	114	95	79
24	Trạm Bobla	214	189	167	133	100	76
25	Djira mour	121	114	109	98	86	75
26	Trạm Long Hanh	193	172	158	126	94	72
27	Trạm Hành	184	164	148	121	95	74
28	Bình Thành	171	161	146	133	111	89
29	Bình Đức	139	132	122	112	95	76
	Gia Lai-Kon Tum						
1	Pơ Mờ Rê	286	260	232	195	154	119
2	Mang Giang	540	503	431	332	241	162
3	Đắk Doa	316	277	235	189	138	98
4	Biển Hồ	252	232	211	181	150	121
5	Đắk Tô	170	162	153	140	124	109
6	Kon Plông	250	230	210	180	146	111

1	2	3	4	5	6	7	8
6	Ninh Hòa	348	306	249	211	153	105
7	An Lộc	274	243	209	162	119	91
8	Tu Bông	323	293	264	219	171	125
9	Ba Ngòi	269	246	222	187	148	112
10	Đồng Xuân	297	264	228	178	127	85
11	Nha Trang	499	442	384	309	227	160
12	Trường Sa	324	290	257	212	165	126
13	Cung Sơn	320	282	248	200	150	110
Thuận Hải							
1	Phan Thiết	195	175	159	130	101	78
2	Phan Rang	219	200	176	153	124	94
3	Cà Ná	308	271	238	190	139	97
4	Phan Rí Chàm	149	137	122	110	90	71
5	Tà Pao	306	269	231	195	146	116
6	Sông Lũy	412	364	314	249	180	129
7	Hồng Kim	157	148	140	137	114	99
8	Hàm Tân	262	236	205	178	137	93
Tây Ninh							
1	Lộc Ninh	168	157	144	128	110	94
2	Tây Ninh	186	168	150	128	104	84
3	Cầu Đẳng	152	140	127	109	91	78
4	Hàng Gòn	173	161	143	129	109	91
Đồng Nai							
1	Xuân Lộc	296	258	221	174	128	93
2	Bình Lộc	252	221	189	152	115	88
3	Túc Trưng	216	194	167	145	117	95
4	Trảng bom (Trung tâm Lâm sản)	258	228	197	163	125	95
5	Biên Hòa	194	175	158	133	106	82
6	An Lộc	281	254	220	173	128	94
7	Dầu Giây	239	214	189	158	125	97
8	Long Thành	282	249	214	175	131	96
9	Xã Bàng	234	216	196	171	140	111
10	Bình Ba	260	230	200	163	124	94
11	Phước Lễ	223	203	181	153	120	91
12	Cây Gạo	310	270	236	204	132	95
13	Gia Ray	145	138	129	121	108	93

1	2	3	4	5	6	7	8
14	Cẩm Tâm	243	217	190	158	123	94
15	Trảng Bàng						
	(Đồn điền cao su, Biên Hòa)	257	232	206	167	130	100
	Sông Bé						
1	Phước Bình	220	201	181	156	128	103
2	Phú Riềng	220	200	181	156	129	107
3	Hồn Quàn	185	169	153	134	111	90
4	Phước Hòa	208	197	184	166	143	122
5	Phước Long	163	156	149	137	123	109
	Đặc Khu Vũng Tàu-Côn Đảo						
1	Vũng Tàu	237	212	187	150	114	86
2	Côn Sơn	285	232	204	180	144	101
	Tp Hồ Chí Minh						
1	Sài Gòn (Tân Sơn Nhất)	197	181	165	142	117	96
2	Sài Gòn (Khí tượng)	177	169	157	140	124	98
	An Giang						
1	Châu Đốc	200	180	160	129	100	76
2	Tân Châu	261	230	200	155	118	82
3	Chợ Mới	212	193	170	140	111	87
4	Long Xuyên	180	168	156	138	116	94
5	Bình Đức	140	132	125	111	94	76
6	Bình Hòa	274	242	206	158	114	76
7	Chi Lăng	134	121	106	86	65	49
8	Thạch Trung	126	121	115	107	97	88
9	Vàm Nao	244	220	191	155	118	89
10	Vọng Đông	287	244	204	147	92	58
11	Hội An	103	172	148	113	80	55
12	Núi Sập	214	190	166	135	102	82
13	Vĩnh Trạch	190	170	150	124	98	80
	Hậu Giang						
1	Sóc Trăng	195	177	160	136	110	89
2	Cần Thơ	214	189	168	134	101	76
3	Khánh Hưng	234	214	188	175	127	86
4	Dại Ngải	221	204	188	163	132	102
5	Vĩnh Bình	162	156	147	134	118	101

